

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Hệ thống hóa kiến thức đã học về các dấu câu, các kiểu câu đơn.
- Hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu.
- Hệ thống hóa kiến thức về các phép tu từ cú pháp.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG, THÁI ĐỘ:

1. Kiến thức:

- Các dấu câu, các kiểu câu đơn.
- Các phép biến đổi câu, các phép tu từ cú pháp.

2. Kĩ năng:

- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp.

3. Thái độ: Biết cách viết một văn bản đề nghị, báo cáo theo đúng mẫu.

III. PHƯƠNG PHÁP: Vấn đáp kết hợp thực hành, thảo luận nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới: GV giới thiệu bài

- Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu về văn bản hành chính, khi cấp trên yêu cầu chúng ta trình bày các kết quả nào đó thì chúng ta phải viết văn bản báo cáo, khi nào cần viết văn bản báo cáo và cách viết văn bản báo cáo ra sao chúng ta cùng vào bài học hôm nay?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI DẠY
* HOẠT ĐỘNG 1: Ôn lại lí thuyết Các kiểu câu đơn. Công dụng của dấu gạch ngang, dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy. Các phép biến đổi câu. Các phép tu từ cú pháp: Hãy nêu những kiểu câu đơn đã học?	I. TÌM HIỂU CHUNG: * Lí thuyết 1. Các kiểu câu đơn: *Câu phân theo mục đích nói: a. Câu nghi vấn: Là câu dùng để hỏi

- HS: Phân theo mục đích nói và phân theo cấu tạo Phân theo mục đích nói được chia làm mấy loại ? Đó là những loại nào? Cho vd minh họa? Câu phân phân theo cấu tạo được chia làm mấy loại? Đó là những loại nào? Cho vd minh họa? Từ lớp 6 đến nay, chúng ta đã học những loại dấu câu nào? Hãy nêu công dụng của dấu chấm? Cho vd Dấu chấm phẩy có công dụng gì? Cho vd. Hãy nêu công dụng của dấu chấm lửng? Cho vd minh họa. Dấu gạch ngang có công dụng gì?	- VD: Hôm nay, cậu không đi học à? b. Câu trần thuật: Dùng để nêu một nhận định có thể đánh giá theo tiêu chuẩn đúng hay sai. - VD: Cái bản tình tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ che lấp mất. c. Câu cầu khiến: Là câu yêu cầu, ra lệnh, đề nghị người nghe thực hiện hành động được nói đến trong câu. - VD: Anh có thể chuyển cho tôi lọ muối được không? d. Câu cảm thán: Dùng để bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp. - VD: Ôi, chân tôi đau quá! * Câu phân theo cấu tạo: a. Câu bình thường: Câu có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ và vị ngữ. - VD: Bạn Nam đang đi học b. Câu đặc biệt: Câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ và vị ngữ - VD: Một hồi còi. 2. Công dụng của dấu câu: a. Dấu chấm : Được đặt ở cuối câu, dùng để kết thúc câu - VD: Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm b. Dấu phẩy: Dùng để đánh dấu các bộ phận của câu cụ thể là: - Giữa các thành phần phụ của câu với CN và VN - Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu - Giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó
--	--

Hãy nêu những phép biến đổi câu? - HS: + Thêm, một số thành phần câu + Chuyển đổi kiểu câu Trong dạng rút gọn câu chúng ta có những loại câu nào? - HS: Rút gọn câu và câu đặc biệt Thế nào là rút gọn câu? Cho vd Trong vd thành phần nào được rút gọn? Tại sao? - HS: Thành phần CN vì câu nói là của chung mọi người Khi rút gọn câu cần đảm bảo điều	- Giữa các vế của một câu ghép c. Dấu chấm phẩy: - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép phức tạp - Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp d. Dấu chấm lửng: - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm e. Dấu gạch ngang: - Đánh dấu bộ phận chú thích - Mở đầu một lời nói của nhân vật trong đối thoại - Nối các từ trong một liên danh 3. Các phép biến đổi câu: a. Rút gọn câu: Khi nói viết, ta có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn bớt thành phần câu - VD: Thương người như thể thương thân + Rút gọn câu cần chú ý: - Câu vẫn đủ ý và không bị cộc lốc, khiếm nhã - Trong đối thoại, hội thoại thường hay rút gọn câu nhưng cần chú ý quan hệ vai giữa người nói và người nghe, người hỏi và người trả lời. b. Câu đặc biệt: Câu đặc biệt không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ –
---	---

gì? Thế nào là câu đặc biệt? Cho vd Câu đặc biệt thường được dùng trong những tình huống nào? Cho vd - HS: Nêu thời gian nơi chốn VD: Buổi sáng. Đêm hè. Chiều đông - Liệt kê sự vật hiện tượng VD: Cháy. Tiếng thét. Chạy rầm rập. Mưa, Gió. - Bộc lộ cảm xúc: Trời ôi! Aí chà chà ! - Gọi đáp :VD Sơn ơi ! Đợi với * GV chốt: Câu đặc biệt cũng là dạng rút gọn câu, nhưng thường khó hoặc không thể khôi phục thành phần bị lược bỏ. Đây chính là điểm khác biệt giữa câu đặc biệt và câu rút gọn. * Chúng ta vừa ôn tập 2 dạng rút gọn câu. Bây giờ chúng ta tiếp tục ôn tập về 2 dạng mở rộng câu Em hãy cho biết dạng mở rộng câu thứ nhất là gì? - HS: Thêm trạng ngữ cho câu Trạng là gì? Cho vd Dạng thứ hai là dùng cụm chủ vị làm thành phần câu. Vậy thế nào là dụng cụm C-V làm thành phần câu? Cho vd Các thành phần nào của câu có thể được mở rộng bằng cụm C-V ? Cho vd * GV chốt: Nhờ việc mở rộng câu bằng cách dụng cụm C-V làm thành phần câu , ta có thể gộp 2 câu độc lập thành 1 câu có cụm C-V làm	vị ngữ - VD: Một đêm trăng. Tiếng reo... * Tác dụng: + Nêu thời gian nơi chốn VD: Buổi sáng. Đêm hè. Chiều đông + Liệt kê sự vật hiện tượng VD: Cháy. Tiếng thét. Chạy rầm rập. Mưa, Gió + Bộc lộ cảm xúc: VD Trời ôi! Aí chà chà! + Gọi đáp: VD Sơn ơi! Đợi với. c. Thêm trạng ngữ cho câu: + Trạng ngữ chỉ nơi chốn, địa điểm VD : Trên dàn hoa lí... Dưới bầu trời trong xanh + Trạng ngữ chỉ thời gian VD: Đêm qua, trời mưa to. Sáng nay, trời đẹp + Chỉ nguyên nhân VD: Vì trời mưa ta, sông suối đầy nước + Chỉ mục đích VD: Để mẹ vui lòng, Lan cố gắng học giỏi + Chỉ phương tiện VD: Bằng thuyền gỗ, họ vẫn ra khơi + Chỉ cách thức: VD: Với quyết tâm cao, học lên đường * Cấu tạo: - Trạng ngữ có thể 1 thực từ (danh từ, động từ, tính) nhưng thường là 1 cụm
--	--

thành phần Chuyển đổi kiểu câu có những cách chuyển đổi nào? Thế nào là câu chủ động, câu bị động? Cho vd Chuyển đổi như vậy có tác dụng gì? HS: Tránh lặp 1 kiểu câu hoặc để đảm bảo mạch văn nhất quán Có mấy kiểu câu bị động? Cho vd - HS: Có từ bị và được Không có từ bị và được Chúng ta đã học những phép tu từ nào? - HS: Điệp ngữ và liệt kê Liệt kê là gì? Cho vd Có mấy kiểu liệt kê? Cho vd - HS: Liệt kê theo từng cặp và liệt kê không theo từng cặp VD: Tinh thần, lực lượng, tính mạng, của cải/ tinh thần và lực lượng; tính mạng và của cải - Liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến VD : Tre, nứa, mai, vầu - GV chốt: Liệt kê là một phép tu từ cú pháp . Vì vậy, khi sử dụng cần phải chú ý tới giá trị biểu cảm của nó	từ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) - Trước các từ hoặc cụm từ làm trạng ngữ thường là các quan hệ từ VD: Trên giàn hoa.. Hồi đêm d. Dùng cụm chủ vị làm thành phần câu: Là dùng những kết cấu có hình thức giống câu, gọi là cụm C-V làm thành phần câu VD: Chiếc cặp sách tôi mới mua rất đẹp * Các thành phần dùng để mở rộng câu: + Chủ ngữ: Mẹ về khiến cả nhà vui + Vị ngữ: Chiếc xe máy này phanh hỏng rồi + Bổ ngữ: Tôi cứ tưởng ghê gớm lắm + Định ngữ: Người tôi gặp là một nhà thơ e. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động : + Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ chủ thể của hoạt động VD: Hùng vương quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu + Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ đối tượng của hành động - VD: Lang Liêu được HV truyền ngôi * Tác dụng: Tránh lặp 1 kiểu câu hoặc để đảm bảo mạch văn nhất quán 4. Các phép tu từ cú pháp: a. Liệt kê: Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn
---	--

* HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn luyện tập GV hướng dẫn cho hs viết, sau đó đọc trước lớp GV cùng học sinh nhận xét 1. Bài tập 1: Bài tập 1 yêu cầu điều gì? - HS: Thảo luận trình bày bảng. - GV: Chốt ghi bảng	những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm - VD: Những quả dưa hấu bỏ phanh đỏ lòm lòm, những râu rụng xườn lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rồn của chú khách trưng ra giữa trời * Các kiểu liệt kê: - Liệt kê theo từng cặp và liệt kê không theo từng cặp VD: Tinh thần, lực lượng, tính mạng, của cải/ tinh thần và lực lượng; tính mạng và của cải - Liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến VD : Tre , nứa, mai, vầu,.... II. LUYỆN TẬP: 1. Bài tập 1: Viết một đoạn văn (chủ đề về mùa hè) trong đó sử dụng ít nhất 4 loại dấu đã học
--	--

V. Củng cố, dặn dò, hướng dẫn tự học:

- Nhận xét tiết luyện tập.
- Học thuộc kiến thức vừa luyện tập.
- Soạn bài “Văn bản báo cáo”.

VI. RÚT KINH NGHIỆM